

Số: 17/2019/QĐST- DS

Bình Đại, ngày 22 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 186/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Lê Thị T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

* Bị đơn: Lê Thị E, sinh năm 1964.

Trần Đức T1, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bùi Văn X, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

Lê Hoàng P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Bà Lê Thị E và ông Trần Đức T1 đồng ý di dời nhà và toàn bộ tài sản trên đất để trả lại cho bà Lê Thị T và ông Bùi Văn X phần đất diện tích là 678,8m² thuộc thửa 134-1 tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh E (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo). Tài sản Bà Lê Thị E và ông Trần Đức T1 phải di dời bao gồm như sau:

+ Một chòi lớn (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ký hiệu là “nhà t”) có diện tích là 55,6m² có kết cấu cột bê tông cốt thép, vách lá, mái lá nền đất.

+ Một nhà củi có diện tích 49,8m² có kết cấu cột bê tông cốt thép, gỗ tạp, vách lá, mái lá nền đất.

+ Nhà vệ sinh có diện tích 5,4m² có kết cấu cột cây, nền xi măng, vách lá, mái lá. Một lò bếp xi măng dán gạch ceramic.

+ 01 cây tra, 05 cây mắm.

* Thời gian lưu cư của bà Lê Thị E và ông Trần Đức T1 là 06 tháng kể từ ngày 14/03/2019 đến ngày 14/09/2019.

* Anh Lê Hoàng P tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời tài sản cho bà Lê Thị E và ông Trần Đức T1 số tiền là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Bà Lê Thị T, ông Bùi Văn X đồng ý để anh Lê Hoàng P thực hiện thay việc hỗ trợ chi phí di dời cho bà Lê Thị E và ông Trần Đức T1. Cách thức hỗ trợ như sau:

+ Ngày 14/04/2019 anh Lê Hoàng P giao cho bà Lê Thị E và ông Trần Đức T1 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Đồng thời Bà Lê Thị E và ông Trần Đức T1 phải di dời ngay nhà củi, nhà vệ sinh, 01 cây tra, 05 cây mắm và các vật gia dụng trong chòi lớn “nhà t” (giường, tủ) để trả lại đất cho bà Lê Thị T, ông Bùi Văn X.

+ Ngày 14/7/2019 anh Lê Hoàng P giao cho bà Lê Thị E và ông Trần Đức T1 số tiền còn lại là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), đồng thời bà Lê Thị E và ông Trần Đức T1 di dời toàn bộ chòi lớn “nhà t”, lò bếp xi măng dán gạch ceramic ra khỏi đất tranh chấp đến ngày 14/9/2019 là hoàn tất việc di dời.

* Trong trường hợp bà Lê Thị E, ông Trần Đức T1 thực hiện không đúng thỏa thuận về thời gian di dời tài sản như nêu trên thì bà Lê Thị E, ông Trần Đức T1 tự nguyện đồng ý trả lại cho anh Lê Hoàng P số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) mà bà Lê Thị E, ông Trần Đức T1 đã nhận.

* Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và ngày các bên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bên chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

* Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận bà Lê Thị T, ông Bùi Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết chi phí đo đạc, định giá.

* Về án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch: Bà Lê Thị T tự nguyện liên đới chịu 150.000 đồng (Một trăm năm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017967 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E. Vậy, chị Lê Thị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ;
- Ủy ban nhân dân xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thu Hương